

Bản án số: 105/2026/HS-ST
Ngày: 11/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hữu Vị.

2. Ông Phạm Danh Hiếu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Thị Đ. Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981, tại tỉnh Vĩnh Long. CCCD: 075181010975.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã P, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ); nơi ở hiện tại: Ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm hồ; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T (đã chết) và bà Phan Thị N (đã chết); Chồng: Trương Văn H, sinh năm 1978 (đã ly hôn); Con ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2006; Anh em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Lưu Văn M, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Lưu Minh T1, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Lưu Văn H1, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Nguyễn Thị L, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ sáng ngày 21/02/2026, bị cáo Lê Thị Đ đến đại lý bia, nước ngọt “Minh Hà” tọa lạc tại ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp của bị hại Lưu Văn M để phụ khiêng các thùng bia. Khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo Đ đi ngang giường ngủ của bị hại M thì phát hiện dưới nệm có một xấp tiền, bị cáo Đ nhìn xung quanh

không có ai nên lén lút lấy cắp tiền giấu vào áo ngực mà bị cáo Đ đang mặc rồi tiếp tục làm việc như bình thường. Đến 10 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Đ về phòng trọ lấy số tiền vừa trộm ra đếm được 20.5000.000 đồng. Bị hại M phát hiện mất tiền nên trình báo công an giải quyết. Tại cơ quan công an, bị cáo Lê Thị Đ thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản kết luận giám định số 358/KL-KTHS ngày 28/02/2026 của Phòng K - Công an tỉnh Đ kết luận: Số tiền 20.500.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng) trong túi niêm phong ký hiệu NS2, mã số NS2 24017653 có chữ ký, chữ viết họ tên Lê Thị Đ, Lê Trọng T2, Nguyễn Thanh T3 gồm 41 (bốn mươi một) tờ tiền polymer Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số seri: SZ 19849583, QZ 11013829, NQ 20462823, MR 18764535, JJ 19542002, YD 15538454, KK 19695869, VJ 15132513, SK 18568555, HD 21207133, BF 18825301, LK 18779515, MD 15908282, BC 22964309, QH 18742636, ZG 15649447, JW 15902864, HX 16026605, OB 17183796, KH 19674267, SC 16695610, NA 16707946, MT 15855865, II 18922223, HO 17117694, MA 18665508, UH 16882664, NZ 12219715, BF 21466644, MN 20968139, DP 20849175, RF 21216492, AO 10801635, NB 16030114, TM 17352712, DA 21067083, KC 19648315, OM 14951670, LK 16419007, MF 21261882, XG 19042423 là tiền thật.

* Vật chứng tạm giữ và xử lý như sau:

- 41 (bốn mươi một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bị hại Lưu Văn M số tiền trên.

- 09 (chín) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng và 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng.

- 01 (một) cái áo ngực màu kem (đã qua sử dụng, bị rách nhiều vị trí).

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lưu Văn M đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bản cáo trạng số 122/CT-VKSKV2 ngày 12/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Lê Thị Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình là đúng theo nội dung bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đúng tội không oan, sai.

Bị hại Lưu Văn M không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì, ban đầu bị hại M nói bị mất số tiền nhiều hơn, nhưng sau khi suy nghĩ kỹ thì bị hại M quá trình buôn bán có lấy tiền trả bớt cho bạn hàng của bị hại nên còn lại số tiền 20.500.000 đồng là đúng, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm như cáo trạng, truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản đã nêu trên, đồng thời đưa ra những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ từ 09 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái áo ngực màu kem (đã qua sử dụng, bị rách nhiều vị trí).

Trả lại cho bị cáo Lê Thị Đ 01 (một) bì thư được niêm phong bên trong có: 09 (chín) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng và 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng (chưa giám định bởi Phòng K Công an tỉnh Đ).

Về trách nhiệm dân sự: Không có.

Về hình phạt bổ sung: Không.

Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo nói lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H1, anh T2, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ là phù hợp với Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Vào khoảng 08 giờ sáng ngày 21/02/2026, tại đại lý bia, nước ngọt “M” tọa lạc tại ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp bị cáo Lê Thị Đ có hành vi lén lút lấy trộm 20.500.000 đồng của bị hại Lưu Văn M. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, bị cáo thực hiện hành vi trộm tiền của bị hại M, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản cá nhân của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự chung. Do vậy, Viện kiểm sát khu vực 2 – Đồng Tháp đã truy tố bị cáo về tội danh “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đủ căn cứ, đúng người thực hiện hành vi phạm tội và đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, qua đó cho thấy bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị hại xin cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xem xét toàn bộ các tình tiết của vụ án thì thấy: Bị cáo Đ do sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo không biết chữ nên nhận thức về hành vi, hậu quả của hành vi do mình gây ra không đầy đủ. Hội đồng xét xử thấy rằng chưa cần thiết phải xử phạt buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà xử bị cáo phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, cải tạo và cũng là bài học sâu sắc cho bị cáo sau này.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, làm thuê, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Không có.

[5] Về vật chứng: Bị cáo không có yêu cầu nhận lại 01 (một) cái áo ngực màu kem (đã qua sử dụng, bị rách nhiều vị trí) nên cần tịch thu tiêu hủy. Bị cáo yêu cầu nhận lại tiền của bị cáo và qua quá trình điều tra nhận thấy số tiền này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Lê Thị Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. *Về hình phạt:*

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. *Về vật chứng:*

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên xử: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái áo ngực màu kem (đã qua sử dụng, bị rách nhiều vị trí).

Trả lại cho bị cáo Lê Thị Đ 01 (một) bì thư được niêm phong bên trong có: 09 (chín) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng và 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng (chưa giám định bởi Phòng K Công an tỉnh Đ).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/6/2026)

4. *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí toà án, bị cáo Lê Thị Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án:* Căn cứ Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo, Bị hại có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã, phường (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NLQ;
- Bộ phận THAHS;
- Hồ sơ vụ án, Lưu AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kiều Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Nhàn - Nguyễn Trương Ngun

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kiều Oanh